TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT
Ngày 09 tháng 03 năm 2023
V/v tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Kiều Anh**

Ông **Trương Thanh Dũng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Diễm L**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế* ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71A/2022/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên Đơn:

– Bà: **Lê Thị M** Sinh năm 1952
– Bà: **Lê Ngọc X** Sinh năm 1956
– Bà: **Lê Thị N** Sinh năm 1963
– Ông: **Lê Văn Đ** Sinh năm 1959

+ Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

– Bà: **Lê Thị L** Sinh năm 1960

+ Địa chỉ: khóm 1, phường 8, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà M, bà X, bà N: Ông Lê Văn Đ (văn bản uỷ quyền ngày 03/3/2023).

2. Bị Đơn:

– Ông: **Lê Văn Đ** Sinh năm 1963

+ Địa chỉ: Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

– Bà: **Lý Thị T** Sinh năm 1966

+ Địa chỉ: Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

+ Trụ sở: Số 02 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Văn Bảo Q** (Văn bản uỷ quyền ngày 30/1/2023)

– Anh: **Hứa Quốc T** Sinh năm 1984
– Chị: **Hồ Thị L** Sinh năm 1982
– Ông: **Ngô Thanh L** Sinh năm 1956

+ Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Đ, bà L, ông Đ, bà T có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Ý kiến trình bày của đồng nguyên đơn bà Lê Thị M, bà Lê Ngọc X, bà Lê Thị N, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị L:

Cha mẹ của các ông bà là ông Lê Văn Đ (chết năm 2011), bà Hứa Thị D (chết năm 2012), khi chết không có để lại di chúc. Ông Đ, bà D có 7 người con gồm: bà Lê Thị M, bà Lê Ngọc X, ông Lê Văn O, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, ông Lê Văn Đ, ngoài ra không còn người con nào khác. Ông bà nội, ông bà ngoại của các ông bà đã chết từ trước năm 1975. Sau khi cha mẹ chết có để lại diện tích 22.950m² đất trồng lúa, vườn tạp, tọa lạc ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, hiện do ông Lê Văn Đ, bà Lý Thị T quản lý sử dụng.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất do ông Lê Văn Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, phần đất tọa lạc tại ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Đối với các phần đất theo xác định của cơ quan chuyên môn Phòng tài nguyên và môi trường thị xã G xác định do ông Lê Văn Đ, bà Lê Hồng P, ông Ngô Văn L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế. Đối với tài sản trên đất gồm cây cối, nhà ở trên phần đất các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

– Ý kiến trình bày của bị đơn ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T:

Cha mẹ của ông Đ là ông Lê Văn Đ (chết năm 2011), bà Hứa Thị D (chết năm 2012). Ông Đ, bà D có 7 người con gồm: bà Lê Thị M, bà Lê Ngọc X, ông Lê Văn O, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, ông Lê Văn Đ, ngoài ra không còn người con nào khác. Ông bà nội, ông bà ngoại của ông Đ đã chết từ trước năm 1975. Sau khi cha mẹ chết có để lại diện tích 22.950m² đất trồng lúa, vườn tạp, tọa lạc tại ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, hiện do ông Lê Văn Đ, bà Lý Thị T quản lý sử dụng.

Ông Lê Văn Đ là con trai út của ông Đ, bà D, cha mẹ sống với ông Đ, bà T Đ khi qua đời. Khi còn sống vào năm 2007 ông Lê Văn Đ làm giấy tặng cho toàn bộ phần diện tích đất 22.950m² đất trồng lúa, vườn tạp, tọa lạc tại ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho ông Đ có xác nhận của Ban nhân dân Ấp 5 và Ủy ban nhân dân xã P.

Năm 2007 được sự ủy quyền của ông Đ, ông Đ đứng ra vay tiền và thế chấp phần đất 22.950m² đất trồng lúa, vườn tạp, tọa lạc Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu vay số tiền 260.000.000đ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển

nông thôn- chi nhánh thị xã G. Đ năm 2010 vay lại số tiền 262.000.000đ, hiện còn nợ vốn vay là 72.000.000đ và tiền lãi, lúc vay tiền cha mẹ còn sống và được sự đồng ý của cha mẹ.

Trong diện tích đất trên ông Đ có cầm cố cho ông Huỳnh Văn Đ, ở ấp 5, xã P 05 công tầm cấy đất trồng lúa với số vàng 5 cây vàng 24K, có bà Lê Thị N ký tên chứng kiến trong giấy cố đất.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn đối với diện tích đất do ông Lề Văn Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ, bà T không đồng ý vì khi cha mẹ còn sống đã làm giấy tặng cho ông Đ toàn bộ diện tích đất trên.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Hứa Văn T và chị Hồ Thị L thống nhất trình bày**:** Anh T cháu ruột cụ Hứa Thị D. Do từ nhỏ cha mất sớm, mẹ có gia đình khác nên cụ D đem anh về nuôi dưỡng, khi anh lập gia đình thì cụ D và cụ Đ có cho anh phần đất ngang 04m dài xuống tới mé kênh tại ấp 5 xã P, anh xây dựng nhà ở Đ nay khoảng 15 năm, khi cho không có làm giấy tờ chỉ nói miệng, những người con cụ Đề ai cũng biết sự việc này. Anh T và chị L có nguyện vọng tiếp tục quản lý sử dụng đất để ở, hiện anh chị đang sống cùng hai con trên phần đất.

- Ông Ngô Thanh L trình bày**:**

Ông và bà Lê Thị X là vợ chồng. Vào năm 1980, ông có sang nhượng của cha vợ là cụ Lê Văn Đ diện tích đất ngang 3 tầm x dài 14 tầm (1 tầm 3m), việc sang nhượng có làm giấy tay, có các con của cụ Đề ký tên. Phần đất hiện đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông yêu cầu Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho ông đối với phần đất ông đã sang nhượng và được cấp giấy.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Năm 2007, ông Đ đại diện gia đình gồm cụ Đ, cụ D, bà T, anh Lý Minh Đ ký hợp đồng vay với Ngân hàng, hiện hợp đồng vay này đã thanh toán xong.

Đến ngày 11/11/2010, ông Đ tiếp tục đại diện gia đình gồm những người có tên trên (có giấy ủy quyền và chữ ký các thành viên trong gia đình, xác nhận của UBND xã P) làm thủ tục vay số tiền 262.000.000 đồng, ông Đ đã thanh toán được 190.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 72.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/12/2019 là 163.389.878 đồng. Việc vay vốn của gia đình ông Đ được tiến hành theo đúng quy định.

Nay phần đất thế chấp đang xảy ra tranh chấp, phía Ngân hàng yêu cầu ông Đ thanh toán toàn bộ vốn, lãi trước khi chia thừa kế phần đất thế chấp. Trường hợp ông Đ không có khả năng thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 71A/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên Đn bà Lê Thị M, bà Lê Thị X, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị N, bà Lê Thị L đối với ông Lê Văn Đ về việc

chia thừa kế diện tích là là 21.529,721m², thuộc một phần thửa đất số 25, 29, 30, 50, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299), tọa lạc ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 (không tuyên tứ cạnh kèm theo) cụ thể:

Chia cho bà Lê Thị M diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa;

Chia cho bà Lê Ngọc X diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa;

Chia cho ông Lê Văn Đ diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa;

Chia cho bà bà Lê Thị L diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa;

Chia cho bà Lê Thị N diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa.

Chia cho ông Lê Văn Đ diện tích đất 6.151,348m², trong đó đất lập vườn 4.879,721m² và 1.271,627m² đất trồng lúa.

Bà Lê Thị M, bà Lê Thị X, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị N, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Đ được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã G số tiền vay vốn còn nợ là 72.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/9/2022 là 38.793.323đ, tổng vốn lãi là 117.793.323đ.

Trường hợp ông Lê Văn Đ không có khả năng thanh toán thì yêu cầu xử ý tài sản thế chấp gồm diện tích đất 6.151,348m², tọa lạc Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đ 05 cây vàng 24K, loại vàng 98%, ông Đ có nghĩa vụ giao trả toàn bộ diện tích đất cầm cố cho ông Lê Văn Đ để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, bị đơn là ông Lê Văn Đ kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Ngày 10/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G kháng nghị theo hướng đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Đ, bà L giữ nguyên ý kiến đã trình bày, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Cha mẹ ruột của các bên tranh chấp là cụ Lê Văn Đ (chết năm 2011) và cụ Hứa Thị D (chết năm 2012). Sinh thời, các cụ có 07 người con gồm: Lê Thị M, Lê Thị X, Lê Văn On, Lê Văn Đ, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Văn Đ,

Di sản do cụ Đ và cụ D để lại có tranh chấp diện tích 22.429,4m². Đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Ông Lê Văn Đ cho rằng diện tích đất này ông đã được cụ Đ tặng cho nên không đồng ý chia.

Tại văn bản số 60/TNMT ngày 09/7/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G xác định trong diện tích đất 22.429,4m² có:

Phần (I) diện tích 1.895m²: thuộc thửa 25 và thửa 26 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299). Thửa đất số 25 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800409 và thửa đất số 26 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ (Lê Văn Đ) theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800410;

Phần (II) diện tích 3.583m²: thuộc một phần thửa đất số 25 và một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299). Thửa đất số 25 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800409 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Hồng P, sinh năm 1940 theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800517;

Phần (III) diện tích 10.476,9m²: thuộc một phần thửa đất số 25, thuộc một phần thửa đất số 50 và một phần thửa đất số 29 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299). Thửa đất số 25 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800409 và thửa đất số 29 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L, sinh năm 1956 theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800450;

Phần (IV) diện tích 6.474,5m²: thuộc một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo Quyết định 285/QĐ – UB ngày 26/8/1995 số phát hành giấy chứng nhận G 800409.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có Công văn số 45/CV-TA ngày 07/4/2021 đề nghị Phòng TN&MT thị xã Giá Rai xác định diện tích đất đã cấp cho ông Đ, ông Đ, bà P, ông L mỗi người là bao nhiêu.

Tại Công văn số 54/TNMT ngày 12/4/2021 của Phòng TN&MT thị xã Giá Rai đã phúc đáp *"Căn cứ hệ thống bản đồ 299, hệ thống bản đồ chính quy 378, thực tế đo đạc hiện trạng vị trí thửa đất tranh chấp, các thửa đất liền kề và các giấy tờ liên quan để xác định vị trí đất tranh chấp nhưng do các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo không ảnh (hệ thống bản*

đồ 299) không có số đo cụ thể các cạnh nên không có cơ sở tách ra diện tích đất tranh chấp thuộc từng thửa đất…"

Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ, bà P, ông L cũng như hồ sơ cấp giấy, chưa yêu cầu cơ quan chức năng tiến hành đo đạc có sự chứng kiến của tất cả các đương sự để họ thống nhất xác định ranh giới cho từng phần đất ông Đ, bà P, ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất và thực tế bà P có trực tiếp sử dụng phần đất do bà đứng tên không, hay có sự nhầm lẫn trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên đất tranh chấp có tài sản của các con, cháu cụ Đ, cụ D như: diện tích đất nhà ở của ông Lê Văn Đ 107,56m²; nhà ông Thống 46m²; nhà ở ông Đ (nhà ở 1: 64,5m² + nhà ở 2: 54,969m² + nhà vệ sinh: 3,6m² + nhà bếp 33,075m² + nhà mồ diện tích 25,575m², tổng diện tích 181,719m²); nhà bà M diện tích 36,4m²; diện tích đất của bà Lê Hồng P là 150m² (đã cho con gái Lê Kiều O), đất ông Ngô Thanh L là ngang 3 tầm (1 tầm 3m) dài 14 tầm là 378m². Các đồng nguyên đơn đồng ý tách ra, không yêu cầu chia, ông Đ thì không đồng ý mà cho rằng đất đã được cha ông cho ông. Nhưng Tòa sơ thẩm cũng chưa xem xét, đánh giá chứng cứ để xác định những hộ đang có nhà trên đất tranh chấp có hợp pháp hay không mà vẫn tách ra khỏi phần di sản thừa kế là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Lê Hồng P đã chết vào ngày 23/8/2020, hồ sơ vụ án có lời khai bà Lê Kiều O xác định bà P có 04 người con gồm: Lê Kiều O, Lê Thị T, Lê Thị T, Lê Thị T và chồng là Lê Văn M (đã chết) nhưng những người con của bà P chưa được ghi tên là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hồng P vào danh sách các đương sự tham gia tố tụng. Ngoài ra, bản án còn chưa đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng như: Ông Lê Văn O (hàng thừa kế thứ nhất); Huỳnh Văn Đ (người nhận cố đất tranh chấp); Lê Hồng P (đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần đất tranh chấp); Lê Minh C, Lê Chí N, Lê Văn N (những người sống cùng hộ gia đình ông Lê Văn Đ trên đất tranh chấp).

Ông Lê Văn O, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ và cụ D. Quá trình giải quyết, chưa có ý kiến của ông O về di sản thừa kế, chưa có văn bản nào khước từ di sản thừa kế, nhưng Tòa sơ thẩm khi chia di sản thừa kế lại không giành kỷ phần cho ông O là chưa đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông O.

Từ những thiếu sót trên, Bản án sơ thẩm lại nhận định: *Tổng diện tích đất ông Đ đã định đoạt là 899,679m² là đất thổ cư và đất lập vườn, sau khi đối trừ phần đất còn lại của ông Đ là 21.529,721m² đất lập vườn 4.879,721m² và đất trồng lúa 16.650m²* để *chia làm 7 phần, mỗi phần có diện tích là 3.075,674m², do ông Đ có công sức đóng góp, tôn tạo nên được chia 02 phần là 6.151,348m², trong đó đất lập vườn 4.879,721m² và 1.271,627m² đất trồng lúa; bà Lê Thị M được chia diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; bà Lê Ngọc X được chia diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; ông Lê Văn Đ được chia diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; bà Lê Thị L được chia diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; bà Lê Thị N được chia diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa* là chưa có căn

cứ pháp luật. Đồng thời, từng kỷ phần được chia cũng chưa được xác định vị trí tứ cạnh, chưa buộc gia đình ông Đ có trách nhiệm giao lại sẽ không thể thi hành án được.

Ngoài ra, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cụ Đ có hai lần làm giấy gửi đất cho ông Đ gồm 12 công và 16 công. Nhưng Tòa án sơ thẩm cũng chưa làm rõ 02 diện tích đất này có nằm trong 22.950m² đất đang tranh chấp chia thừa kế hay không để làm cơ sở xem xét, đánh giá chứng cứ.

** Đối với hợp đồng cầm cố đất giữa ông Lê Văn Đ và ông Huỳnh Văn Đ:* Tòa sơ thẩm buộc ông Đ có nghĩa vụ giao trả toàn bộ diện tích đất cầm cố cho ông Lê Văn Đ để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, nhưng bản án sơ thẩm chưa xác định vị trí đất giao trả thì không thể thi hành án được.

** Đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông Đ với Ngân hàng Nông nghiệp:* Bản án sơ thẩm buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã G số tiền vay vốn còn nợ là 72.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/9/2022 là 38.793.323đ, tổng vốn lãi là 117.793.323đ là có căn cứ pháp luật. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ xác định ông vay vốn để mua máy gặt đập liên hợp và số nợ Ngân hàng ông vay ông tự trả.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G. Huỷ bản án sơ thẩm số: 71A/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ, quyết định kháng nghị của của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Bà Lê Thị M, Bà Lê Thị X, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, ông Lê Văn Đ thống nhất xác định: cha mẹ ruột của các ông bà là cụ Lê Văn Đ (chết năm 2011) và cụ Hứa Thị D (chết năm 2012) có 07 người con gồm: Lê Thị M, Lê Thị X, Lê Văn O, Lê Văn Đ, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Văn Đ, ngoài ra không có người con nào khác. Ông bà nội, ông bà ngoại của các ông bà đã chết từ trước năm 1975. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ, cụ D có 07 người: gồm: Lê

Thị M, Lê Thị X, Lê Văn On, Lê Văn Đ, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Văn Đ. Bản án số 71A nêu trên chỉ đưa vào tham gia tố tụng 06 người, không có ông Lê Văn O. Quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm cũng không thông báo đưa người tham gia tố tụng đối với ông O, không tống đạt các văn bản tố tụng cho ông O, không ghi nhận ý kiến của ông O đối với yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn. Việc đưa thiếu người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của ông O.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đ 05 cây vàng 24K, loại vàng 98%, ông Đ có nghĩa vụ giao trả toàn bộ diện tích đất cầm cố cho ông Lê Văn Đ để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật tuy nhiên phần đương sự tham gia tố tụng không có ông Huỳnh Văn Đ, không rõ năm sinh, địa chỉ ông Đ, không đảm bảo quyền kháng cáo của ông Đ và không đảm bảo cho việc thi hành án.

Diện tích đất các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần (II) diện tích 3.583m² có 01 phần thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Hồng P, sinh năm 1940 theo QĐ số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800517. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không đưa bà P (trường hợp bà P chết thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà P) tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của chủ sử dụng thửa đất số 54 nêu trên.

Quyết định số 177/2018/QĐ-TA ngày 7/8/2018 chánh án Toà án nhân dân thị xã G phân công thẩm phán Lê Văn T tiến hành xem xét đơn khởi kiện, thụ lý và giải quyết vụ án nhưng khi xét xử vụ án lại là thẩm phán Nguyễn Thị N.

Bản án sơ thẩm xác định Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu- chi nhánh G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, cần xác định người có quyền lợi liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam.

[2] Về nội dung:

[2.1] Phần đất là di sản thừa kế do cụ Lê Văn Đ đứng tên quyền sử dụng qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 22429,4m², gồm 04 phần cụ thể như sau:

- Phần (I) diện tích 1.895m²: Thuộc thửa 25 và 26, tờ bản đồ 16 (bản đồ 299). Thửa đất số 25 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800409 và thửa đất số 26 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962 theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800410.

- Phần (II) diện tích 3.583m²: Thuộc một phần thửa 25 và một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ 16 (bản đồ 299). Thửa đất số 25 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800409 và

thửa đất số 54 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lê Hồng P, sinh năm 1940 theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800517.

- Phần (III) diện tích 10.476,9m²: Thuộc một phần thửa đất số 25, thuộc một phần thửa đất số 50 và thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ 16 (bản đồ 299). Thửa đất số 25 và thửa đất số 50 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800409 và thửa đất số 29 tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L, sinh năm 1956 theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800450.

- Phần (IV) 6.474,5m²: Thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ 16 (bản đồ 299) đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn Đ theo quyết định số 285/QĐ.UB ngày 26/8/1995, số phát hành giấy chứng nhận G 800409.

Như vậy, phần đất tranh chấp (I) có một phần diện tích thuộc thửa đất số 26 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ; phần đất tranh chấp (II) có một phần diện tích thuộc thửa đất số 54 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Hồng P; phần đất (III) có một phần diện tích thuộc thửa đất số 29 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngô Văn L.

Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần tiến hành đo đạc để xác định diện tích đất thực tế mà ông Lê Văn Đ, Ngô Văn L, bà Lê Hồng P đang sử dụng mỗi người là bao nhiêu; Diện tích đất của cụ Lê Văn Đ sau khi trừ đi diện tích đất thực tế sử dụng của ông Đ, ông L và bà P còn lại là bao nhiêu. Xác minh làm rõ nguồn gốc đất và lý do vì sao ông Đ, ông L và bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất? Thực tế ông Đ, ông L và bà P có sử dụng đất không? Đồng thời tiến hành ghi lời khai đồng nguyên đơn, bị đơn và những người có liên quan về kết quả đo đạc trên, yêu cầu của họ về việc chia thừa kế đối với diện tích đất đã đo đạc nhằm đảm bảo việc phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất được chính xác, đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

[2.2] Phần Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử:

"Chia cho bà Lê Thị M diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; Chia cho bà Lê Ngọc X diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; Chia cho ông Lê Văn Đ diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; Chia cho bà bà Lê Thị L diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa; Chia cho bà Lê Thị N diện tích đất 3.075,674m² trồng lúa;Chia cho ông Lê Văn Đ diện tích đất 6.151,348m², trong đó đất lập vườn 4.879,721m² và 1.271,627m² đất trồng lúa".

Trên cơ sở nội dung tuyên án trên, không có cơ sở để xác định được bà M, bà X, ông Đ, bà L, bà N, ông Đ được phân chia phần đất tại vị trí nào? Thửa đất số mấy? Tờ bản đồ nào? Kích thước tứ cạnh là bao nhiêu? Giáp với đất của ai? …. Do đó không đảm bảo cho việc thi hành án.

[2.3] Tại phần nhận định của bản án thể hiện *"trong lúc còn sống ông Đ đã định đoạt cho một phần đất cho các con, cháu như: diện tích đất nhà ở của*

ông Lê Văn Đ 107,56m²; nhà ông Thống 46m²; nhà ở ông Đ (nhà ở 1: 64,5m² + nhà ở 2: 54,969m² + nhà vệ sinh: 3,6m² + nhà bếp 33,075m² + nhà mồ diện tích 25,575m², tổng diện tích 181,719m²); nhà bà M diện tích 36,4m²; diện tích đất của bà Lê Hồng P là 150m² (đã cho con gái Lê Kiều O), đất ông Ngô Thanh L là ngang 3 tầm (1 tầm 3m) dài 14 tầm là 378m². Tổng diện tích đất ông Đề đã định đoạt là 899,679m² là đất thổ cư và đất lập vườn, sau khi đối trừ phần đất còn lại của ông Đề là 21.529,721m² đất lập vườn 4.879,721m² và đất trồng lúa 16.650m²".

Tuy nhiên Tòa án không xác định vị trí, kích thước, tứ cạnh của từng diện tích đất đã tách riêng và phân chia cho từng người trong tổng diện tích đất của cụ Đ. Mặt khác, phần tuyên án cũng không đề cập việc tặng cho, giao quyền sử dụng đất của ông T, bà M, bà P, ông L…như nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định nêu trên.

[2.4] Đối với hợp đồng tín dụng giữa hộ ông Lê Văn Đ và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện G (nay là thị xã G. Ngày 07/7/2011, cụ Đề có làm "Đơn thưa" với nội dung: *ông Đ đã lấy bằng khoán đỏ đi vay ngân hàng 300 triệu đồng mua máy cắt, cụ Đ yêu cầu ông Đ trả lại căn nhà và chuộc bằng khoán đỏ trả lại để cụ dưỡng già và phân chia tài sản cho các con.* Như vậy, cần làm rõ việc cụ Đ, cụ D có uỷ quyền để ông Đ, bà T đứng ra kí kết hợp đồng thế chấp đối với diện tích 22.950m² đất trồng lúa, vườn tạp, tọa lạc Ấp 5, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu mà cụ Đ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G800409 do UBND huyện G cấp ngày 20/11/1995 hay không? Việc xác minh, làm rõ những nội dung nêu trên để xác định rõ di sản chia thừa kế có thế chấp cho Ngân hàng hay không? Trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay thuộc về cá nhân ông Đ hay có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

[2.5] Đối với quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn Đ và ông Huỳnh Văn Đ cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Đ 05 cây vàng 24K, loại vàng 98%, ông Điều có nghĩa vụ giao trả toàn bộ diện tích đất cầm cố cho ông Lê Văn Đ để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng không xử lý đối với hợp đồng cầm cố đất là chưa giải quyết hết vấn đề của quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, chưa thu thập đủ tài liệu chứng cứ như đã nêu trên mà phiên toà phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Một phần nhận định trong quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên toà, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 71A/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải

quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do huỷ án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Đ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1/ Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G.

Huỷ bản án sơ thẩm số: 71A/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu.

Hoàn lại cho ông Lê Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004372 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương